

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu: Không yêu cầu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản. Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật, Chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSMT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

N = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

Stt	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Vốn điều lệ của nhà thầu tính đến thời điểm đóng thầu Ghi chú: Trường hợp liên danh, xét thành viên đứng đầu liên danh	10	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1.500 tỷ đồng trở lên (100% điểm): 10 điểm - Từ 900 tỷ đồng đến dưới 1.500 tỷ đồng (85% điểm): 8,5 điểm - Từ 300 tỷ đồng đến dưới 900 tỷ đồng (70% điểm): 7 điểm - Dưới 300 tỷ đồng (0% điểm): 0 điểm 	7
2	Tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc từng năm trong 03 năm gần nhất 2022, 2023, 2024 Ghi chú: Trường hợp liên danh, xét thành viên đứng đầu liên danh	7	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc từng năm trong 03 năm 2022, 2023, 2024 > 0 (100% điểm): 7 điểm - Tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc 01 trong 03 năm 2022, 2023, 2024 \leq 0 (70% điểm): 4,9 điểm 	4,9
3	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của nhà thầu trong 3 năm gần nhất 2022- 2023-2024 (Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm = Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm – Chi phí quản lý doanh nghiệp) Ghi chú: Trường hợp liên danh, xét thành viên đứng đầu liên danh	10	<ul style="list-style-type: none"> - Cả 03 năm đều > 0 (100% điểm): 10 điểm - Có 02 năm > 0 (85% điểm): 8,5 điểm - Chỉ có 01 năm > 0 (70% điểm): 7 điểm - Cả 03 năm đều < 0 (0% điểm): 0 điểm 	7

Stt	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4	<p>Quỹ dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm trong 03 năm gần nhất.</p> <p>Ghi chú: Đối với liên danh, thành viên liên danh đứng đầu liên danh phải đáp ứng giá trị tối thiểu, các thành viên liên danh còn lại phải đáp ứng giá trị theo tỷ lệ đảm nhận.</p>	10	<ul style="list-style-type: none"> - Có giá trị ≥ 1.500 tỷ đồng (100% điểm): 10 điểm - Có giá trị từ ≥ 1.221 tỷ đồng < 1.500 tỷ đồng: 7 điểm - Có giá trị từ < 1.221 tỷ đồng (0% điểm): 0 điểm 	7
5	<p>Yêu cầu khả năng thanh toán: Biên khả năng thanh toán tính đến hết 31/12/2024 phải cao hơn hoặc bằng biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định tại Điều 64 Nghị định 73/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm.</p> <p>Ghi chú: Nhà thầu gửi kèm bản cam kết. Đối với liên danh: Từng thành viên trong liên danh phải có bản cam kết theo yêu cầu.</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu đáp ứng nội dung theo yêu cầu (100% điểm): 3 điểm - Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này (0% điểm): 0 điểm 	
6	<p>Đề xuất thời gian giải quyết bồi thường, tạm ứng</p> <p>Ghi chú: Nhà thầu có cam kết. Đối với liên danh từng thành viên liên danh</p>	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất thời gian giải quyết bồi thường, tạm ứng ≤ 10 ngày (100% điểm): 10 điểm - Đề xuất thời gian giải quyết bồi thường, tạm ứng > 10 ngày đến ≤ 15 ngày (100% điểm): 7 điểm 	7

Stt	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			<ul style="list-style-type: none"> - Không đề xuất thời gian hoặc có đề xuất thời gian giải quyết bồi thường, tạm ứng > 15 ngày (0% điểm): 0 điểm 	
7	Đề xuất Công ty giám định độc lập	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất \geq 03 công ty về công ty giám định độc lập có năng lực phù hợp (100% điểm): 10 điểm - Đề xuất 2 công ty về công ty giám định độc lập có năng lực phù hợp (85% điểm): 8,5 điểm - Đề xuất 1 công ty về công ty giám định độc lập có năng lực phù hợp (70% điểm): 7 điểm - Nhà thầu không đề xuất công ty về công ty giám định (0% điểm): 0 điểm 	7
8	Phí bảo hiểm, Mức khấu trừ	20	<ul style="list-style-type: none"> - Mức phí bảo hiểm và mức khấu trừ bảo hiểm tuân thủ đúng quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (100% điểm): 20 điểm. 	

Stt	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
			<ul style="list-style-type: none"> Mức phí bảo hiểm và/hoặc Mức khấu trừ bảo hiểm không tuân thủ đúng quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (0% điểm): 0 điểm. 	
9	<p>Điều khoản bổ sung (ĐKBS)</p> <p>Ghi chú: Tham khảo Bảng danh mục điều khoản bổ sung tại điểm b, Khoản 4 Chương V của E – HSMT.</p>	10	<ul style="list-style-type: none"> Nhà thầu đề xuất ≥ 25 điều khoản (100% điểm): 10 điểm. Nhà thầu đề xuất ≥ 01 đến < 25 điều khoản (70% điểm): 7 điểm. Nhà thầu đề xuất < 0 điều khoản (0% điểm): 0 điểm 	7
10	<p>Thông tin nhà thầu về việc thực hiện hợp đồng trước đó.</p> <p>Thông tin của nhà thầu về việc thực hiện hợp đồng trước đó trong thời gian từ ngày 01/01/2022 trở lại đây tính đến thời điểm đóng thầu:</p> <p>Nhà thầu không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ</p>	10	<ul style="list-style-type: none"> Nhà thầu đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu (100% điểm): 10 điểm. Nhà thầu không đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu (0% điểm): 0 điểm. 	

Stt	Tiêu chuẩn	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	(Nhà thầu gửi kèm bản cam kết, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận).			
	Tổng cộng (100%)	100		70

Ghi chú:

* **Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:**

- Tổng điểm cho các nội dung là 100%.

- Mức điểm kỹ thuật không được thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

* Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đạt yêu cầu về kỹ thuật: Báo cáo tài chính, Danh mục các điều khoản bổ sung, bản cam kết và các tài liệu khác liên quan.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.2. Phương pháp giá đánh giá:

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{ĐG} = G \pm \Delta_G + \Delta_{UD}$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- Δ_{UD} là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;
- Δ_G là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng, bao gồm :
 - + Chi phí lãi vay (nếu có);
 - + Chất lượng dịch vụ;
 - + Đấu thầu bền vững (nếu có): *___ [Trường hợp áp dụng tiêu chí này, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia cần lượng hóa thành tiền một đơn vị chênh lệch của thông số, chỉ số về môi trường, xã hội...so với mức yêu cầu tối thiểu. Trường hợp ưu tiên dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái và tương đương thì cần quy định cụ thể];*
 - + Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
 - + Các yếu tố khác (nếu có).

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú: **Đánh giá Δ_G được đánh giá chi tiết tại bảng Phụ lục đánh giá tài chính**

PHỤ LỤC ĐÁNH GIÁ TÀI CHÍNH

STT	Hạng mục	Yêu cầu	Δ_G	Nội dung nhà thầu đề xuất (Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh nội dung nhà thầu đề xuất theo yêu cầu)	Δ_G tư vấn đánh giá
1	Số điều khoản mở rộng (có lợi cho tài sản được bảo hiểm) do nhà thầu đề xuất Ghi chú: Nhà thầu tham khảo các điều khoản tại điểm b, Khoản 4 thuộc Chương V của E – HSMT.	Trên 25 điều khoản mở rộng trở lên	Được trừ 0,5%		
		Dưới 25 điều khoản mở rộng	0%		
2	Quỹ dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm tính đến thời điểm 31/12/2024	Có giá trị < 1.221 tỷ đồng	0%		
		Có giá trị từ ≥ 1.221 tỷ đồng ≤ 3.000 tỷ đồng	Được trừ 0,2%		
		Có giá trị từ > 3.000 tỷ đồng ≤ 5.000 tỷ đồng	Được trừ 0,4%		
		Có giá trị từ > 5.000 tỷ đồng ≤ 7.000 tỷ đồng	Được trừ 0,6%		
		Có giá trị > 7.000 tỷ đồng	Được trừ 0,8%		

3	<p>Mức giới hạn trách nhiệm điều khoản bổ sung do nhà thầu đề xuất (Nhà thầu có bảng kê mức giới hạn đề xuất cho mỗi điều khoản có mức giới hạn trách nhiệm) Lưu ý: Bảng điều khoản bổ sung quy định tại điểm b, Khoản 4 thuộc Chương V của E – HSMT. Mức giới hạn nhà thầu đề xuất phải đáp ứng giá trị tối thiểu theo quy định tại Bảng các điều khoản bổ sung theo yêu cầu của E – HSMT.</p>	Nhà thầu có tổng mức giới hạn trách nhiệm cao nhất (được xét từ hạn mức quy định trong E-HSMT trở lên)	Được trừ 0,5%		
		Nhà thầu có tổng mức giới hạn trách nhiệm cao nhì (được xét từ hạn mức quy định trong E-HSMT trở lên)	Được trừ 0,3%		
		Nhà thầu có tổng mức giới hạn trách nhiệm thấp hơn 02 mức giới hạn trên (được xét từ hạn mức quy định trong E-HSMT trở lên)	0%		
4	Năng lực bồi thường	Cung cấp > 01 hồ sơ bồi thường có giá trị bồi thường từ 10 tỷ đồng trở lên đối với Hợp đồng bảo hiểm xây dựng công trình trong vòng 03 năm gần nhất	Được trừ 0,5%		
		Cung cấp ≤ 01 hồ sơ bồi thường có giá trị bồi thường từ 10 tỷ đồng trở xuống đối với Hợp đồng bảo hiểm xây dựng công trình trong vòng 03 năm gần nhất	Được trừ 0,3%		
		Nhà thầu không cung cấp hồ sơ bồi thường	0%		

5	Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng tại Khoản 1, Điều 20 của Nghị định 214/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.	Nhà thầu hoặc thành viên liên danh trong mọi trường hợp có thông tin về kết quả không đối chiếu tài liệu E – HSĐT	Bị cộng 0,2%		
		Nhà thầu hoặc thành viên liên danh trong mọi trường hợp có thông tin về kết quả không thương thảo hợp đồng (nếu có)	Bị cộng 0,3%		
		Nhà thầu hoặc thành viên liên danh trong mọi trường hợp có thông tin về kết quả không thực hiện hợp đồng	Bị cộng 0,5%		
		Nhà thầu không vi phạm quy định về kết quả thực hiện hợp đồng tại Khoản 1, Điều 20 của Nghị định 214/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ	0%		
Tổng					Tổng ΔG

Ghi chú: Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh nội dung nhà thầu đề xuất theo yêu cầu của E – HSMT.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT: Không có.